

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP



KPMG Limited
10th floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com

Kính gửi các cổ đông

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2008.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến loại trừ

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Công ty lập dự phòng trợ cấp thôi việc trên cơ sở 3% mức lương căn bản của nhân viên đó mà không xét đến số năm nhân viên đó làm việc cho Công ty. Theo đó dự phòng trợ cấp thôi việc và tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 bị ghi nhận thấp hơn tương ứng là 3.600.598.898 VNĐ và 900.149.725 VNĐ; lợi nhuận trước thuế và sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được ghi nhận cao hơn tương ứng là 176.656.898 VNĐ và 235.210.933 VNĐ; chi phí thuế thu nhập hoãn lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được ghi nhận thấp hơn 58.554.035 VNĐ và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2008 được ghi nhận cao hơn 2.465.238.240 VNĐ.

Ý kiến kiểm toán loại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong đoạn cơ sở của ý kiến loại trừ, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 08-01-455



Chong Kwang Puay

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08/4/2009

Thang

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ	SỐ CUỐI KỲ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	82.013.883.060	103.983.642.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	9.647.339.651	14.567.539.555
1. Tiền	5.347.339.651	10.876.445.386
2. Các khoản tương đương tiền	4.300.000.000	3.691.094.169
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.222.800.000	2.037.240.000
1. Đầu tư ngắn hạn	3.222.800.000	2.037.240.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	35.706.512.156	43.721.019.413
1. Phải thu khách hàng	33.808.234.557	40.912.062.721
2. Trả trước cho người bán	377.492.950	994.563.817
3. Các khoản phải thu khác	1.520.784.649	1.814.392.875
IV. Hàng tồn kho	31.643.757.775	43.349.195.486
1. Hàng tồn kho	31.643.757.775	43.349.195.486
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.793.473.478	308.648.432
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.366.060.844	70.912.847
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	56.667.756	56.667.756
3. Tài sản ngắn hạn khác	370.744.878	181.067.829
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	40.256.548.681	40.205.605.475
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2. Tài sản cố định	34.782.631.773	34.931.688.567
Tài sản cố định hữu hình	34.782.631.773	34.931.688.567
Nguyên giá	61.944.257.979	68.790.089.585
Giá trị hao mòn lũy kế	(27.161.626.206)	(33.858.401.018)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
3. Bất động sản đầu tư	-	-
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	-	-
Đầu tư dài hạn khác	5.000.000.000	5.000.000.000
5. Tài sản dài hạn khác	473.916.908	273.916.908
C. TỔNG TÀI SẢN	122.270.431.741	144.189.248.361

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ	SỐ CUỐI KỲ
D. NỢ PHẢI TRẢ	83.651.074.068	49.018.091.672
I. Nợ ngắn hạn	79.451.074.068	43.953.073.956
Vay và nợ ngắn hạn	23.642.166.520	5.138.506.450
Phải trả người bán	17.154.858.747	18.210.194.874
Người mua trả tiền trước	2.427.591	318.852.725
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	61.954.918	328.223.336
Phải trả người lao động	3.959.161.168	3.230.536.694
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	34.630.505.124	16.446.639.377
Chi phí trích trước	-	280.120.500
II. Nợ dài hạn	4.200.000.000	5.065.017.716
Vay và nợ dài hạn	4.200.000.000	5.012.071.114
Dự phòng phải trả dài hạn	-	52.946.602
E. VỐN CHỦ SỞ HỮU	38.619.357.673	95.171.156.689
I. Vốn chủ sở hữu	38.229.918.834	94.254.502.738
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.500.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	36.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	3.920.889.346	6.231.441.341
Quỹ dự phòng tài chính	693.184.318	1.523.061.397
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	115.845.170	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	389.438.839	916.653.951
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	389.438.839	916.653.951
Nguồn kinh phí	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	122.270.431.741	144.189.248.361

Người lập:

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám Đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2008

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	2007	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.602.084.402	149.317.044.517
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	290.883.414	1.440.440.137
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.311.200.988	147.876.604.380
4. Giá vốn hàng bán	84.101.862.088	93.477.078.414
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.209.338.900	54.399.525.966
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.099.224.993	1.267.338.657
7. Chi phí tài chính	2.996.727.418	3.071.751.900
8. Chi phí bán hàng	20.671.242.101	28.074.197.572
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.102.957.192	13.545.359.577
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.537.637.182	10.975.555.574
11. Thu nhập khác	202.008.556	251.956.520
12. Chi phí khác	110.113.065	31.553.078
13. Lợi nhuận khác	91.895.491	220.403.442
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.629.532.673	11.195.959.016
15. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp		
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.629.532.673	11.195.959.016
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.874	2.778
18. Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	1.100	1.500

Người lập:



Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám Đốc

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2007	NĂM 2008
I. Cơ cấu tài sản			
	%		
1. Tài sản dài hạn / Tổng tài sản		32,92%	27,88%
2. Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản		67,08%	72,12%
II. Cơ cấu nguồn vốn			
	%		
1. Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn		68,41%	34,00%
2. Vốn CSH / Tổng nguồn vốn		31,27%	65,37%
III. Khả năng thanh toán			
	lần		
1. Khả năng thanh toán nhanh		0,41	0,42
2. Khả năng thanh toán hiện hành		1,03	2,37
IV. Tỷ suất lợi nhuận			
	%		
1. Tỷ suất LNST / Tổng Tài sản		7,9%	8,4%
2. Tỷ suất LNST / Doanh thu thuần		7,45%	7,57%
3. Tỷ suất LNST / Vốn CSH		25,19%	16,90%